

WH-QUESTIONS (CÂU HỎI WH)



Let's Learn!

Types of WH questions (Các loại câu có từ để hỏi)

Câu hỏi bổ ngữ:

S + be (chia) + danh từ/tính từ/giới từ.

WH + be (chia) + S?

It's on the table.

Where is it?

Câu hỏi chủ ngữ:

S + V (chia) + O + C.

WH + V(chia ngôi số ít) + O + C.

Kim ate this cake.

Who ate this cake?

Câu hỏi tân ngữ (động từ/tân ngữ/trạng ngữ):

S + V (chia) + O + C.

WH + trợ động từ + S + V (+ O + C)?

She is cooking.

What is she doing?

WH words (Các từ để hỏi WH)

WHO

Ai? (Chủ ngữ/tân ngữ)

Who is he?

WHOM

Ai? (tân ngữ)

Whom do you like?



WHAT	Cái gì? (chủ ngữ/tân ngữ)	<i>What are they?</i>
WHICH	Cái nào?	<i>Which do you like, cream or butter?</i>
WHERE	Ở đâu?	<i>Where will you go?</i>
WHEN	Khi nào?	<i>When did you leave?</i>
HOW	Như thế nào? (tính từ) Cách thức? (trạng từ) Phương tiện	<i>How are you? How do you go to school?</i>
WHOSE + N	Của ai?	<i>Whose book is this?</i>
WHY	Tại sao?	<i>Why don't you go?</i>
WHAT/WHICH + N	Hỏi cụ thể danh từ	<i>What colour do you like?</i>
HOW + ADJ/ADV	Hỏi cụ thể tính từ/trạng từ	<i>How big is it?</i>
HOW MANY + Ns/es	Hỏi số lượng (đếm được)	<i>How many books are there?</i>
HOW MUCH + N không đếm được HOW MUCH = WHAT'S THE PRICE OF	Hỏi số lượng (không đếm được) Hỏi giá tiền	<i>How much beef do you like? How much does it cost?</i>
HOW OLD	Hỏi tuổi	<i>How old is she?</i>
HOW LONG HOW LONG = WHAT IS THE LENGTH	Hỏi thời gian bao lâu Hỏi chiều dài	<i>How long does it take you? How long is the ruler?</i>

HOW OFTEN	Hỏi tần suất	<i>How often do you dine out?</i>
HOW FAST	Hỏi tốc độ	<i>How fast did you drive?</i>
HOW FAR	Hỏi khoảng cách	<i>How far is it?</i>
HOW TALL/HIGH = WHAT IS THE HEIGHT	Hỏi chiều cao/độ cao	<i>How tall are you?</i>

How to make a WH question (Cách đặt câu có từ để hỏi)

Xác định nội dung được hỏi → thay bằng từ / cụm từ hỏi phù hợp.

Lưu ý: Từ / cụm từ bị gạch chân không bao giờ xuất hiện trong câu hỏi.

- Nếu trong câu:

Dùng động từ thường (V) thì ta phải mượn trợ động từ (do/does/did) và đảo trợ động từ lên trước chủ ngữ, đứng sau từ để hỏi WH.

- Nếu trong câu dùng “động từ to be” (is / am / are / was / were), trợ động từ have / has / had, hoặc “động từ khuyết thiếu” (will / would / can / could / may / might / shall / should / must / ought) → đảo chính nó lên trước chủ ngữ.

- Nếu trong câu có các đại từ được gạch chân thì đổi ngôi như sau:

I, we	→ you
me, us	→ you
mine, ours	→ yours
my, our	→ your
some	→ any



Let's Practice

Exercise 1. Match each question word with its correct usage.



(Nối từ để hỏi với cách sử dụng tương ứng.)

1	Who	A. Ask about quantity (countable)
2	What	B. Ask for a reason or a cause
3	Which	C. Ask about time
4	Where	D. Ask about frequency
5	When	E. Ask about person
6	How	F. Ask about possession
7	Why	G. Ask about choice
8	Whose	H. Ask for a way, a manner or a form
9	How many	I. Ask for the location
10	How often	J. Ask about a thing

WH-QUESTIONS

Exercise 2. Underline the correct WH question words. (Gạch chân từ để hỏi phù hợp.)



1 **What / Which** are you talking about?

2 **Which / Who** character do you prefer, Snow White or her stepmother?



- 3 **What / Which** food do you like?
- 4 **How / What** are you going to do tonight?
- 5 **Where / When** is the fair organised? – Near my house.
- 6 **How long / How often** did that race last?
- 7 **What / How** does she go to work every morning? – By car.
- 8 **Why / What** don't you like watching cartoons?
- 9 **How much / How many** times have you been to Nha Trang?
- 10 **What time / When** did you last visit your parents? – Last Friday.

Exercise 3. Choose the correct answers. (Chon đáp án đúng.)



4

----- does your father watch TV every day? – In the morning.

A. What time
C. How long

B. When
D. Where



5

----- high is that oak tree?

A. How many
C. Where

B. What
D. How



6

----- books are those? – They are mine.

A. Who

B. What

C. Whose

D. How

7

----- is your telephone number?

A. Who

B. What

C. Where

D. How

8

----- helped you with your homework?

– My sister did.

A. Who

B. What

C. Whom

D. Whose

9

----- are his children playing badminton?

– In the playground.

A. What

B. Where

C. When

D. How

10

----- should children watch educational programmes? – Because they're useful.

A. What

B. How

C. Why

D. Which

Exercise 4. Underline the correct answer. (Gạch chân đáp án đúng.)

1 **When / What** day is it today?

2 **How / What** do you go to school?

3 **Whom / Who** is your best friend?

4 **How much / How many** coffee does your father drink a day?

5 **Whose / Who** bike is this?

6 **How / What** is the length of this rope?

7 **Which / What** do you prefer, chicken or beef?

8 **When / How** often does she go to the music club?

9 **When / What** time do you get up?

10 **How / Why** are you today?



Exercise 5. Complete the sentences with the correct WH word. (Hoàn thành các câu sau sử dụng từ để hỏi WH phù hợp.)

How	Why	Who	When	How deep
How long	How much	How many	Where	What time

1 _____ are you so tired today? – Because I've been running for an hour.

2 _____ does the movie end? – At 10 p.m.



- 3 _____ are you going? – To my teacher's house.
- 4 _____ do you have Maths? – On Wednesdays and Fridays.
- 5 _____ does this shirt cost? – About \$75.
- 6 _____ did they travel to Singapore? – By plane.
- 7 _____ siblings do you have? – I have two.
- 8 _____ is that girl? – My sister.
- 9 _____ does it take you to clean the house? – For an hour.
- 10 _____ is the Red River? – About 6 metres.

Exercise 6. Underline the correct auxiliary verb to complete the questions. (Gạch chân trợ động từ phù hợp để hoàn thành các câu hỏi.)

- 1 How many students **are / does / has** there in your classroom?
- 2 What **does / has / is** the price of this bag?
- 3 When **were / did / do** you get home yesterday?
- 4 What **is / does / has** his sister look like? – She is tall and slim.
- 5 What **has / can / is** she do?
– She can sing very beautifully.
- 6 Who **is / do / will** go to school with you tomorrow morning?



WH-QUESTIONS

- 7 How often **are / have / do** they go to the library?
- 8 Where **has / is / does** she been recently?
- 9 **Do / Are / Have** these your jeans?
- 10 What **is / has / does** your mother do?

Exercise 7. Match the questions to their answers. (Nối câu hỏi và câu trả lời.)

1	Who is your favourite actress?	A. It's on at 9 p.m
2	Which floor is your class on?	B. He watched TV for 2 hours.
3	Who do you think is the most famous cartoon character of all time?	C. Every weekend.
4	What time is the "Lightning Quiz" on?	D. It's hot in summer and cold in winter.
5	Why do children like "Tom and Jerry"?	E. In 1926
6	How far is the new shopping mall?	F. It's about 1 kilometre.
7	How often do you watch "The Debaters"?	G. It's on the third floor.
8	When did John Logie Baird create the first television?	H. I think it's the cat "Tom".



9 How many hours did Tom watch TV yesterday morning?

10 What is the weather like in your country?

I. I like Kristen Stewart best.

J. Because it's interesting.

Your answers:

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10.

Exercise 8. Choose the correct answers. (Chọn đáp án đúng.)

1 ----- does Nick come from? – Poland.

A. What B. Which C. Where D. Who

2 ----- lemonade would you like?

A. How many B. How much

C. How D. When



3 ----- is she crying? – Because she's lost her watch.

A. Who B. What C. Which D. Why

4 ----- hat is this? – It's Van's.

A. Who B. What C. Whose D. Which

5 ----- were you doing while I was cooking in the kitchen?

A. What B. Which C. Where D. Why

6 ----- have you owned that motorbike? – For two weeks.

A. How far B. How long

C. How many D. How often



WH-QUESTIONS

7 _____ will she pick you up? – At 5 p.m.

- A. Where
- B. What
- C. How often
- D. What time

8 _____ do you usually share things with?

- A. What
- B. Who
- C. Which
- D. Whose

9 _____ is she wearing? – She's wearing a pink dress.

- A. Which
- B. How
- C. What
- D. When

10 _____ wide is the road?

- A. What
- B. Which
- C. Why
- D. How

Exercise 9. Write the questions to the underlined words. (Đặt câu hỏi cho phần được gạch chân.)

1 My brother will be **ten** next Thursday.



2 **Alan's** car is the most expensive in the garage.



3 **My parents** are roasting a turkey in the garden.





4 They went to the festival by train last week.



5 Emma lives in Hue city.



6 They were playing chess when their father came in.



7 This washing machine cost \$500.



8 Judy often plays with her dolls in the bedroom.



9 You should drink some warm water.



10 I have learned English for over ten years.



Exercise 10. Find and correct the mistakes. (Tìm và sửa lỗi sai.)

1 Who shirt is that? – It's mine. _____

2 When do you go cycling? – Every weekend. _____

3 Why you like watching sports? _____

4 How does the main character look like? _____

5 When did you stay last week? _____

6 What you did to help the victim of the accident? _____

7 Who help your mom to cook dinner every day? _____

8 Whose did you go to the cinema with? _____

9 How many money did you pay for this book? _____

10 How is the depth of the well? _____